TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/KDTM-ST
Ngày: 28/3/2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi;

2. Bà Võ Thị Gái.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 255/2024/TLST-KDTM ngày 09/8/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 668/2025/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1637/2025/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn A

Trụ sở: 58 đường M, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Hoài T, sinh năm 1999; Địa chỉ: 58 đường M, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ký ngày 23/12/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn A).

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn B.

Trụ sở: 15 đường P, khu phố B, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1981; Địa chỉ thường trú: Khối 11, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ liên lạc: 15 đường P, khu phố B, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh – (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Ngày 04/8/2022, Công ty trách nhiệm hữu hạn A và Công ty trách nhiệm hữu hạn B (sau đây gọi tắt là Công ty B) ký kết Hợp đồng Nguyên tắc số 01/2022/HĐMB/INT-TÂN PHONG về việc Cung cấp vật tư sơn nước. Trong đó, Công ty trách nhiệm hữu hạn A là Bên bán, Công ty B là Bên mua. Trong quá trình hợp tác, Công ty trách nhiệm hữu hạn A đã nhiều lần giao hàng hóa cho Công ty B. Ngày 01/10/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn A và Công ty B tiến hành đối chiếu công nợ. Nội dung của Biên bản đối chiếu và Xác nhận Công nợ xác định Công ty B còn chưa thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A số tiền là 355.710.177 đồng.

Để thu hồi công nợ còn chưa thanh toán, Công ty trách nhiệm hữu hạn A đã nhiều lần yêu cầu Công ty B thanh toán. Tuy nhiên, kể từ thời điểm các bên đối chiếu công nợ đến nay, Công ty B không thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A khoản tiền nào và không có động thái nào nhằm giải quyết công nợ. Việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Công ty B như nêu trên đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn A. Vì vậy, Công ty trách nhiệm hữu hạn A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

+ Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn B thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A số tiền mua hàng còn nợ là 355.710.177 đồng;

+ Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn B thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trên số nợ gốc 355.710.177 đồng, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng 12%/năm, tính từ ngày 01/10/2023 là thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đến ngày 28/3/2025 (ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án) là 544 ngày vi phạm, số tiền lãi yêu cầu phải trả là 63.618.522 đồng;

+ Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn B thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A tiền phạt do vi phạm hợp đồng với mức phạt 8% giá trị vi phạm với số tiền 28.456.814 đồng.

(2) Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn B vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt trong phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai: Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn B vẫn tiếp tục vắng mặt mà không có lý do. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người đại diện hợp pháp của

nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị được chấp nhận. Người đại diện hợp pháp của bị đơn đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc sự kiện khách quan, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Về nội dung vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn A và Công ty trách nhiệm hữu hạn B phát sinh tranh chấp trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh từ hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có mã số doanh nghiệp: 0315858419 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lần đầu ngày 21/8/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 29/3/2021, xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn B có trụ sở đăng ký hoạt động tại địa chỉ: 15 đương P, khu phố B, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của phía bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Ngày 04/8/2022, Công ty trách nhiệm hữu hạn A và Công ty B ký kết Hợp đồng Nguyên tắc số 01/2022/HĐMB/INT-TÂN PHONG. Theo các điều khoản và điều kiện của hợp đồng này, Công ty trách nhiệm hữu hạn A đồng ý bán cho Công ty B các sản phẩm sơn nước nhãn hiệu Nippon (gọi chung là hàng hóa) để thi công các công trình xây dựng của bên mua, chi tiết và đơn giá hai bên thỏa thuận theo phụ lục I của hợp đồng. Thực hiện hợp đồng Công ty trách nhiệm hữu hạn A đã nhiều lần giao hàng hóa theo yêu cầu và đề nghị giao hàng của Công ty B. Ngày 01/10/2023, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ. Nội dung của Biên bản đối chiếu và Xác nhận Công nợ xác định Công ty B còn chưa thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A số tiền là 355.710.177 đồng. Công ty trách nhiệm hữu hạn A đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng Công ty B vẫn không thực nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng còn nợ. Xét thấy, đã quá thời gian thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên tại Điều 6 của Hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua, đó là thanh toán đầy đủ, đúng hạn, đúng phương thức thanh toán mà các bên đã thỏa thuận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn B phải trả tiền mua hàng còn nợ 355.710.177 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật thương mại năm 2005, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty B phải trả số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trên số nợ gốc 355.710.177 đồng, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng 12%/năm, tính từ ngày 01/10/2023 là thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đến ngày 28/3/2025 (ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án) là 544 ngày vi phạm, số tiền lãi yêu cầu phải trả là 63.618.522 đồng. Xét thấy, thời gian yêu cầu trả lãi, mức lãi suất áp dụng, trên số dự nợ gốc đã được Hội đồng xét xử xác định tại mục [3.1] như trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật thương mại năm 2005, mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu áp dụng là 12%/năm là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, yêu cầu khởi kiện trả lãi của nguyên đơn là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền phạt do vi phạm hợp đồng với mức phạt 8% giá trị vi phạm, tương ứng số tiền 28.456.814 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ theo bản đối chiếu và xác nhận công nợ giữa hai bên ngày 01/10/2023, số tiền Công ty B còn nợ là 355.710.177 đồng, là giá trị của nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm, số tiền yêu cầu phạt bồi thường là 28.456.814 đồng là tương đương với 8% giá trị nghĩa vụ vi phạm, phù hợp với quy định tại Điều 300 Luật thương mại 2005. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 186, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 50, Điều 300, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 357, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A tổng số tiền là 447.785.513 đồng (trong đó tiền mua hàng còn nợ là 355.710.177 đồng, tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 63.618.522 đồng và tiền phạt vi phạm 8% /giá trị vi phạm tương ứng số tiền 28.456.814 đồng).

Kể từ khi Công ty trách nhiệm hữu hạn A có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn B, không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 21.911.421 đồng, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn B phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A số tiền tạm ứng án phí 10.307.830 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án có ký hiệu: BLTU/23P và số 0028001 ngày 09/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND. TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Thiên